

BIỂU LÃI SUẤT TÀI KHOẢN THANH TOÁN, BIỂU PHÍ DỊCH VỤ DÀNH CHO  
KHÁCH HÀNG KHỐI TÍN DỤNG TIỂU THƯƠNG

(Theo thông báo số 04/2016/TB-HBD-Product ngày 10/08/2016 của  
GDK Tín dụng tiểu thương)

A. BIỂU LÃI SUẤT TÀI KHOẢN THANH TOÁN

- Áp dụng mức lãi suất không kỳ hạn 0.5%/năm cho toàn bộ các mức số dư trên tài khoản thanh toán.
- Số dư tối thiểu trên tài khoản thanh toán: Không yêu cầu.

B. BIỂU PHÍ DỊCH VỤ TÀI KHOẢN

| Khoản mục                                                                                                                   | Mức phí                                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. Mở và quản lý tài khoản</b>                                                                                           |                                                                                             |
| 1. Mở tài khoản                                                                                                             | Miễn phí                                                                                    |
| 2. Phí duy trì tài khoản                                                                                                    | Miễn phí                                                                                    |
| 3. Phí đóng tài khoản                                                                                                       | 20.000 VND                                                                                  |
| <b>II. Giao dịch tài khoản</b>                                                                                              |                                                                                             |
| 1. Nộp/rút tiền từ Tài khoản TGTT tại quầy giao dịch của VPBank                                                             |                                                                                             |
| a. Cùng tỉnh/TP nơi mở TK                                                                                                   | Miễn phí                                                                                    |
| b. Khác tỉnh/TP nơi mở TK                                                                                                   | Miễn phí                                                                                    |
| 2. Chuyển khoản/Rút tiền từ tài khoản TGTT tại quầy giao dịch trong vòng 2 ngày kể từ ngày nộp (không kể chủ nhật, ngày lễ) | 0.03% (TT: 10.000 VND, TĐ: 1.000.000 VND).<br>Miễn phí đối với số tiền dưới 20.000.000 VND. |
| <b>III. Phí dịch vụ tài khoản</b>                                                                                           |                                                                                             |
| 1. Dịch vụ xác nhận số dư tài khoản                                                                                         | 30.000 VND/bản, từ bản thứ 3 trở lên 10.000 VND/bản                                         |
| 2. Dịch vụ cung cấp sao kê                                                                                                  | 2.000 VND/trang (TT: 10.000 VND/lần)                                                        |
| 3. Dịch vụ sao lục chứng từ.                                                                                                | 30.000 VND/chứng từ + chi phí phát sinh thực tế (nếu có)                                    |
| 4. Phong tỏa tài khoản và thanh toán theo yêu cầu của 3 bên.                                                                | 300.000VND/lần + phí chuyển tiền                                                            |
| 5. Phí phong tỏa tài khoản theo yêu cầu của khách hàng.                                                                     | 50.000 VND/lần                                                                              |
| 6. Phí xác nhận có tài khoản, có sử dụng dịch vụ của Ngân hàng.                                                             | 50.000 VND/lần                                                                              |
| 7. Các dịch vụ khác không nằm trong khoản mục đã nêu trên.                                                                  | Mức phí thu theo thỏa thuận với khách hàng, tối thiểu 50.000 VND/lần.                       |

C. BIỂU PHÍ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ

| I. Internet Banking                                                                                                      | Gói truy vấn                 |                | Gói tiêu chuẩn                                            | Gói cao cấp |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------|-------------|
| 1. Phí đăng ký sử dụng dịch vụ                                                                                           | Miễn phí                     |                |                                                           |             |
| 2. Phí sửa đổi thông tin dịch vụ                                                                                         |                              |                |                                                           |             |
| - Khách hàng thực hiện trên website                                                                                      | Miễn phí                     |                |                                                           |             |
| - Khách hàng thực hiện tại quầy                                                                                          | 20.000VND/lần                |                |                                                           |             |
| 3. Phí chấm dứt sử dụng dịch vụ                                                                                          | 50.000VND                    |                |                                                           |             |
| 4. Phí tra soát tại quầy                                                                                                 |                              |                |                                                           |             |
| - Giao dịch trong cùng ngân hàng                                                                                         | 10.000VND/món                |                |                                                           |             |
| - Giao dịch liên ngân hàng                                                                                               | 15.000VND/món                |                |                                                           |             |
| 5. Phí sử dụng dịch vụ (Phí duy trì dịch vụ)                                                                             | Miễn phí                     | 4.000VND/tháng | 10.000VND/tháng                                           |             |
| 6. Phí chuyển khoản                                                                                                      |                              |                |                                                           |             |
| - Trong hệ thống VPBank                                                                                                  | Không áp dụng                | Miễn phí       |                                                           |             |
| - Ngoài hệ thống VPBank                                                                                                  |                              |                |                                                           |             |
| + Trả cho người cùng tỉnh, TP                                                                                            | Không áp dụng                | 6.000VND/món   | 8.000VND/món                                              |             |
| + Trả cho người khác tỉnh, TP                                                                                            | Không áp dụng                | 20.000VND/món  | 0.05%/món<br>(TT :20.000VND/món,<br>TĐ :1.000.000VND/món) |             |
| 7. Phí chuyển tiền qua thẻ 24/7                                                                                          | Không áp dụng                | 7.000VND/món   |                                                           |             |
| II. Mobile Banking                                                                                                       |                              |                |                                                           |             |
| Mức phí từng dịch vụ như Internet Banking. Ngoại trừ “ <b>Phí sử dụng dịch vụ (Phí duy trì dịch vụ)</b> ” được miễn phí. |                              |                |                                                           |             |
| III. SMS Banking                                                                                                         |                              |                |                                                           |             |
| 1. Phí đăng ký sử dụng dịch vụ                                                                                           | Miễn phí                     |                |                                                           |             |
| 2. Phí thay đổi nội dung dịch vụ                                                                                         | 20.000VND/lần                |                |                                                           |             |
| 3. Phí sử dụng dịch vụ                                                                                                   | 9.000VND/tháng/tài khoản/SĐT |                |                                                           |             |
| 4. Phí gửi tin nhắn đi                                                                                                   | 909VND/tin nhắn              |                |                                                           |             |

## D. BIỂU PHÍ DỊCH VỤ THẺ GHI NỢ NỘI ĐỊA COMMCREDIT

| Loại phí                                                                         | THẺ GOLD           | THẺ PLATINUM |
|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------|
| <b>Phí phát hành và phí thường niên</b>                                          |                    |              |
| a. Thẻ chính                                                                     |                    |              |
| - Phát hành thường                                                               | Miễn phí           | Miễn phí     |
| - Phát hành nhanh                                                                | 100.000VND         | 100.000VND   |
| - Phí thường niên                                                                | Miễn phí           | Miễn phí     |
| b. Thẻ phụ                                                                       |                    |              |
| - Phát hành thường                                                               | Miễn phí           | Miễn phí     |
| - Phát hành nhanh                                                                | 100.000VND         | 100.000VND   |
| - Phí thường niên                                                                | Miễn phí           | Miễn phí     |
| <b>Phí giao dịch (tính trên 1 lần)</b>                                           |                    |              |
| a. Phí vấn tin, in sao kê tại ATM:                                               |                    |              |
| - Trong hệ thống VPBank                                                          | Miễn phí           | Miễn phí     |
| - Ngoài hệ thống VPBank                                                          | 500VND             | Miễn phí     |
| b. Phí chuyển khoản giữa các TKTT của VPBank:                                    |                    |              |
| - Tại ATM của VPBank                                                             | Miễn phí           | Miễn phí     |
| - Tại ATM của ngân hàng khác                                                     | Miễn phí           | Miễn phí     |
| c. Rút tiền mặt tại ATM:                                                         |                    |              |
| - Tại ATM của VPBank                                                             | Miễn phí           | Miễn phí     |
| - Tại ATM của ngân hàng khác                                                     | 3.000VND/giao dịch | Miễn phí     |
| <b>Phí dịch vụ (tính trên 1 lần)</b>                                             |                    |              |
| Phí cấp bản sao hóa đơn giao dịch/ sao kê giao dịch tại quầy                     | 30.000 VND         | 30.000 VND   |
| Phí thay đổi hạn mức giao dịch                                                   | 30.000 VND         | 30.000 VND   |
| Phí cấp lại thẻ do hư hỏng, thất lạc, mất cắp, hay yêu cầu riêng của chủ thẻ ... | 30.000 VND         | 30.000 VND   |
| Phí tra soát, khiếu nại (thu trong trường hợp khiếu nại sai)                     | 30.000 VND         | 30.000 VND   |
| Phí mở/ khóa thẻ theo yêu cầu của chủ thẻ                                        | 30.000 VND         | 30.000 VND   |
| Phí cấp lại mã PIN                                                               | 20.000 VND         | 20.000 VND   |
| Phí thông báo thẻ bị thất lạc, mất cắp, ...                                      | Miễn phí           | Miễn phí     |

### Ghi chú chung:

\_ Biểu lãi suất, biểu phí này có hiệu lực từ ngày **15/08/2016**, áp dụng cho khách hàng cá nhân của Khối Tín dụng Tiểu thương.

\_ Biểu lãi suất, biểu phí này chỉ áp dụng cho tài khoản thanh toán với loại tiền là Việt Nam Đồng (VND), không áp dụng cho các tài khoản thanh toán ngoại tệ.

\_ Biểu phí này chưa bao gồm VAT (10%).